TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **214**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 20 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số B, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Người yêu cầu: Ông Bùi Vĩnh K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết công nhận thuận tình ly hôn ngày 23/7/2024 và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/8/2024 các đương sự thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Bùi Ngọc Bảo T2, sinh ngày 21/11/2018. Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Minh T1 và cháu Bùi Ngọc Bảo T2 cho bà Hồ Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K thống nhất khai không có nên không xem xét.

Việc các đương sự thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung là cháu Bùi Minh T1, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Bùi Ngọc Bảo T2, sinh ngày 21/11/2018. Sau khi ly hôn, giao cháu Bùi Minh T1 và cháu Bùi Ngọc Bảo T2 cho bà Hồ Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K thống nhất khai không có nên không xem xét.

- Về các vấn đề khác: không

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: bà Hồ Thị Ngọc T và ông Bùi Vĩnh K phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0002745 ngày 07/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên ông bà không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Đạt